

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 09/07/2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
1.	Chứng khoán/ Stock	1,275,790,000	98.75%
1	BMP	100	1.12%
2	BSI	100	0.34%
3	BWE	100	0.37%
4	CII	1,000	1.18%
5	CMG	200	0.64%
6	CTD	100	0.66%
7	CTR	100	0.80%
8	DBC	500	1.34%
9	DCM	300	0.78%
10	DGC	500	3.97%
11	DGW	300	1.03%
12	DIG	1,100	1.58%
13	DPM	400	1.20%
14	DSE	300	0.56%
15	DXG	1,900	2.53%
16	EIB	3,300	6.07%
17	EVF	1,600	1.39%
18	FRT	200	2.88%
19	FTS	400	1.24%
20	GEX	1,500	4.59%
21	GMD	800	3.85%
22	HAG	1,000	1.05%
23	HCM	1,000	1.85%
24	HDC	300	0.61%
25	HDG	400	0.80%
26	HHV	800	0.79%
27	HSG	1,100	1.50%
28	KBC	1,100	2.34%
29	KDC	300	1.28%
30	KDH	1,300	3.05%
31	MSB	4,900	4.82%
32	NAB	2,500	3.41%
33	NKG	800	0.86%
34	NLG	600	1.83%
35	NT2	200	0.30%
36	OCB	3,100	2.96%
37	PAN	300	0.67%
38	PC1	600	1.04%
39	PDR	900	1.31%
40	PHR	100	0.48%
41	PNJ	600	3.82%
42	POW	1,200	1.25%
43	PTB	100	0.42%
44	PVD	600	0.95%
45	PVT	500	0.69%
46	REE	300	1.57%
47	SBT	1,000	1.53%
48	SCS	100	0.52%
49	SIP	200	1.11%
50	SJS	200	1.54%
51	SZC	200	0.58%
52	TCH	800	1.42%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
53	VCG	800	1.41%
54	VCI	900	2.62%
55	VGC	100	0.35%
56	VHC	200	0.91%
57	VIX	3,000	3.52%
58	VND	2,400	3.31%
59	VPI	300	1.22%
60	VTP	100	0.93%
II.	Tiền/ Cash (VND)	16,184,910	1.25%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,291,974,910	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	1,275,790,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,291,974,910
+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	16,184,910

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
HCM	26,345	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	31,515	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	41,305	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
OCB	13,585	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	90,530	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	74,250	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 09/07/2025	Kỳ trước/Last period (**) 08/07/2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	1	-1
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,800,000	28,800,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	12,700	12,630	70
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	373,380,749,165	370,289,917,592	3,090,831,573
của một lô ETF/per Creation Unit	1,291,974,910	1,281,279,991	10,694,919
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,919.74	12,812.79	106.95
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,084.47	2,071.91	12.56

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 08/07/2025/(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 08/07/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 07/07/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 07/07/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 10/07/2025